

Nội dung bài viết

1. [Soan Unit 5 Vocabulary lớp 7 Friends plus](#)

Soan Unit 5 Vocabulary lớp 7 Friends plus

1 (trang 58 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete lists 1-3 with the words in the box. Put the time and number words in order. Then listen and check (Hoàn thành danh sách 1-3 với các từ trong hộp. Đặt thời gian và số từ theo thứ tự. Sau đó nghe và kiểm tra)

billion century day decade fraction
half hour hundred kilo kilometre
metre millennium million minute
week month quarter second
thousand ton year

1. Time: millennium (longest)

2. Numbers: billion (biggest)

3. Measurements: ton

Đáp án:

1. Time: millennium (thiên niên kỷ), century (thế kỷ), decade (thập kỷ), year (năm), month (tháng), week (tuần), day (ngày), hour (giờ), minute (phút), second (giây)

2. Numbers: billion (tỷ), million (triệu), thousand (nghìn), hundred (trăm), half (một nửa), quarter (phần tư)

3. Measurements: ton (tấn), kilo (ki-lô-gam), kilometre (ki-lô-mét), metre (mét), fraction (phân số)

2 (trang 58 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the Amazing Achievements text with words from exercise 1. Then listen and check (Hoàn thành văn bản Amazing Achievements với các từ trong bài tập 1. Sau đó, nghe và kiểm tra)

AGE

Jeanne Calment (1875–1997) lived 122 years and 164

¹

HEIGHT

Thirteen-year-old Malavath Purna from India climbed Mount Everest (8,848 ²) in 2014.

DISTANCE

In 1970 three American astronauts travelled more than four hundred ³ kilometres from Earth, around the moon, and back to Earth again.

RAP

Chicago rapper Twista can rap an incredible 280 words a ⁴ That's almost five words every ⁵

FOOD

Takeru Kobayashi once ate 110 hot dogs in ten ⁶

BOOKS

Agatha Christie was one of the most popular writers in history, selling more than two ⁷ books.

Đáp án:

1. days	2. metres	3. thousand	4. minute	5. second
6. minutes	7. billion	8. decade	9. million	10. kilometre
11. seconds	12. billion	13. metres	14. ton	15. hour

Hướng dẫn dịch:

Những thành tích đáng kinh ngạc

- Tuổi: Jeanne Calment (1875 – 1997) đã sống 122 năm 164 ngày.
- Chiều cao: Malavath Purna 13 tuổi đến từ Ấn Độ đã leo núi Everest (8848 mét) vào năm 2014.
- Khoảng cách: Vào năm 1970, 3 phi hành gia người Mỹ đã di chuyển hơn 400 ngàn ki lô mét từ Trái đất, xung quanh Mặt trăng và quay trở lại Trái đất.
- Rap: Người đọc rap Twista đến từ Chicago có thể rap 280 từ trong vòng 1 phút một cách đáng kinh ngạc. Nó có nghĩa là gần 5 từ trong 1 giây.
- Ăn: Takeru Kobayashi đã từng ăn 110 cái bánh mì kẹp xúc xích trong 10 phút.
- Những quyển sách: Agatha Christie là một trong những nhà văn nổi tiếng nhất trong lịch sử với việc bán ra hơn 2 tỉ cuốn sách.
- Những bộ phim: Jenifer Lawrence là diễn viên nữ xuất sắc nhất trong thập niên trước. - Bộ phim “Đấu trường sinh tử” đầu tiên đã kiếm được hơn 864 triệu đô la.
- Thể thao: Paula Radcliffe đã hoàn thành đường chạy 42195 ki lô mét trong vòng 2 giờ 15 phút 25 giây.
- Tài sản: Một trong những người giàu nhất trên thế giới là Warren Buffet. Tài sản của ông ấy là khoảng 96 tỉ đô la.
- Kỹ năng: Nancy đã bắn một mũi tên đi 6,09 mét – bằng bàn chân của cô ấy!
- Sức mạnh: Kevin Fast đã kéo một chiếc máy bay 55 tấn.
- Sức chịu đựng: Wimm Hoff đã dành 1 tiếng 42 phút 22 giây vùi mình trong tuyết. Brrr!

3 (trang 58 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Listen and repeat numbers (Nghe và nhắc lại các số)

1. 1.6

2. 235

3. 1,005

4. 23,608

5. 1,253,871

4 (trang 58 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Say numbers 6-10. Listen and check.
(Nói số 6-10. Nghe và kiểm tra.)

6. 9.25

7. 555

8. 9,001

9. 82,359

10. 9,999,999

5 (trang 59 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Look at the list of questions. Then watch or listen to people guessing the answers. Which of the questions do they answer?
(Nhìn vào danh sách các câu hỏi. Sau đó xem hoặc nghe mọi người đoán câu trả lời. Họ trả lời câu hỏi nào?)

1. How long does a butterfly live?
2. How many people live in Việt Nam?
3. How much does an elephant weigh?
4. How fast can the world's fastest car go?
5. How many minutes are there in a lifetime?
6. How tall is the world's smallest person?
7. How many countries and languages are there in the world?

Đáp án: 1, 3, 4, 6

Nội dung bài nghe:

1. A: How long does a butterfly live?

B: I don't know. Any ideas?

C: My guess is about a month maybe?

A: Most butterflies live no more than two weeks.

2. A: How much does an elephant weigh?

B: What do you reckon?

C: I reckon...um... I've no idea. I guess ten thousand kilos. What do you think?

B: Probably.

A: One elephant weighs between four thousand and seven thousand kilos. That's the same as 80 people.

3. A: How fast can the world's fastest car go?

B: I know that one.

C: Really?

B: Have a guess.

C: Around 200 kilometres per hour?

B: It's 435 kilometres per hour – the Hennessey Venom GT.

C: That's fast.

A: That's right. The world's fastest car can go up to 435.31 kilometres per hour.

4. A: How tall is the world's shortest person in history?

B: I reckon about 60 centimetres?

C: Really? I reckon about 70 centimetres tall.

A: The shortest man in history was Chandra Bahadur Dangi, who was 54.6 centimetres tall.

Hướng dẫn dịch:

1. A: Con bướm sống được bao lâu?

B: Tôi không biết. Có ý kiến gì không?

C: Dự đoán của tôi có thể là khoảng một tháng?

A: Hầu hết các loài bướm sống không quá hai tuần.

2. A: Con voi nặng bao nhiêu?

B: Bạn nghĩ sao?

C: Tôi nghĩ... ừm... Tôi không biết. Tôi đoán mười nghìn kg. Bạn nghĩ sao?

B: Có thể.

A: Một con voi nặng từ bốn ngàn đến bảy ngàn kg. Con số đó tương đương với 80 người.

3. A: Chiếc ô tô nhanh nhất thế giới có thể đi với tốc độ bao nhiêu?

B: Tôi biết cái đó.

C: Thật không?

B: Hãy đoán xem.

C: Khoảng 200 km một giờ?

B: Đó là 435 km một giờ - Hennessey Venom GT.

C: Nhanh quá.

A: Đúng vậy. Chiếc ô tô nhanh nhất thế giới có thể đi tới 435,31 km một giờ.

4. A: Người thấp nhất thế giới trong lịch sử cao bao nhiêu?

B: Tôi tính là khoảng 60 cm?

C: Thật không? Tôi tính cao khoảng 70 cm.

A: Người đàn ông thấp nhất trong lịch sử là Chandra Bahadur Dangi, cao 54,6 cm.

6 (trang 59 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Watch or listen again. Read the Key Phrases. Which of the phrases do you hear each person say? (Xem hoặc nghe lại. Đọc các Cụm từ chính. Bạn nghe thấy từng người nói những cụm từ nào?)

KEY PHRASES

Guessing and estimating

Have a guess!

Any ideas?

What do you reckon?

I know that one.

I don't know.

I've no idea.

I guess / I reckon ...

Probably / Maybe.

Around / About ...

Đáp án:

- Have a guess à dialogue 3
- Any ideas? à dialogue 3
- What do you reckon? à dialogue 2
- I know that one. à dialogue 3
- I don't know. à dialogue 1
- I've no idea. à dialogue 2
- I guess / I reckon... à dialogue 2, 4
- Probably / Maybe à dialogue 1, 2
- Around / About... à dialogue 3, 4

7 (trang 59 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) USE IT!

Work in groups. Guess the answers to some of the questions in exercise 5. Use the key phrases (Làm việc nhóm. Đoán câu trả lời cho một số câu hỏi trong bài tập 5. Sử dụng các cụm từ khóa)

Gợi ý:

- How long does a butterfly live? Any ideas?
- I've no idea.
- Have a guess!
- OK. I'd say maybe two months.

Hướng dẫn dịch:

- Con bướm sống được bao lâu? Có ý kiến gì không?
- Tôi không biết.
- Hãy đoán xem!
- OK. Tôi nói có thể là hai tháng.